



Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn
từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024
kèm theo Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập



Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất giữa niên độ	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ	9

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Lần 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022	Thay đổi người đại diện pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 284.904.000.000 đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Thủy lợi);
- Sản xuất, lắp ráp, gia công khóa đẩy;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).
- Sản xuất, gia công phím điều hướng quang học kỹ thuật cao của điện thoại di động.

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất điện.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 44 nhân viên (Tại ngày 31.12.2023: 42 nhân viên).

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

3. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Văn Hải	Thành viên
Ông Đinh Xuân Hoàng	Thành viên

Thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên

Thành viên của Ban Giám Tổng đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc - Kế toán trưởng

4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

5. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Đinh Xuân Hoàng, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, đại diện cho Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



ĐINH XUÂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số: 028/2024/HĐKT-DFKHN-C

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (“Công ty”), được lập ngày 10 tháng 9 năm 2024, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề nào khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 6 của các báo cáo tài chính, trong đó thể hiện về việc Công ty hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 với tỷ lệ phân chia lợi nhuận là 8%/năm dựa trên số tiền thực tế hợp tác và hợp đồng trên đã được gia hạn đến ngày 6 tháng 4 năm 2026. Đồng thời, theo Thuyết minh 14 của các báo cáo tài chính, Công ty nhận hợp tác đầu tư từ ông Bùi Xuân Huy theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 với mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế.

Như được trình bày tại Thuyết minh 28 của các báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt giá trị tài sản ngắn hạn khoảng 353 tỷ đồng. Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Chúng tôi cũng lưu ý, Công ty đã điều chỉnh hồi tố và trình bày lại số liệu so sánh. Các ảnh hưởng của việc điều chỉnh và trình bày lại này được trình bày chi tiết tại Thuyết minh 29 - “Điều chỉnh hồi tố” trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 30 tháng 3 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được soát xét bởi các kiểm toán viên khác với ý kiến luận chấp nhận toàn phần như được trình bày trong báo cáo soát xét đề ngày 29 tháng 8 năm 2023.



Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
DFK
VIỆT NAM

PHẠM THẾ HÙNG

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 0495-2023-042-1

HÀ NỘI

Ngày 10 tháng 9 năm 2024

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất giữa niên độ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30.6.2024	1.1.2024 (trình bày lại)
A. Tài sản ngắn hạn	100		58.296.110.369	300.402.429.588
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.886.829.329	40.941.987.718
1. Tiền	111	3	1.886.829.329	40.941.987.718
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.508.917.704	258.903.888.167
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	17.702.933.901	35.088.897.793
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	4.111.601.387	1.432.284.439
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	4.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	33.694.382.416	218.382.705.935
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		900.363.336	556.553.703
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	900.363.336	556.553.703
B. Tài sản dài hạn	200		1.088.733.793.126	939.768.799.211
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		183.163.747.965	53.747.965
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	183.163.747.965	53.747.965
II. Tài sản cố định	220		724.880.258.096	744.474.096.107
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	724.880.258.096	744.474.096.107
- Nguyên giá	222		1.147.274.276.643	1.147.274.276.643
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(422.394.018.547)	(402.800.180.536)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		175.995.355.360	189.302.821.378
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	175.995.355.360	189.302.821.378
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.694.431.705	5.938.133.761
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.480.743.194	5.669.886.482
2. Lợi thế thương mại	269		213.688.511	268.247.279
Tổng cộng tài sản	270		1.147.029.903.495	1.240.171.228.799

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất giữa niên độ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30.6.2024	1.1.2024 (trình bày lại)
C. Nợ phải trả	300		853.168.969.173	929.025.124.145
I. Nợ ngắn hạn	310		411.331.032.367	438.328.820.959
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	3.490.721.766	3.459.536.940
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.597.455.903	805.331.265
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	5.436.045.161	12.147.755.652
4. Phải trả người lao động	314		757.034.408	718.789.932
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	9.751.329.844	10.001.918.171
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	65.974.973.416	79.674.917.132
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	323.866.467.682	331.063.567.680
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		457.004.187	457.004.187
II. Nợ dài hạn	330		441.837.936.806	490.696.303.186
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	176.100.000.000	176.100.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	255.554.000.000	307.074.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		10.183.936.806	7.522.303.186
D. Vốn chủ sở hữu	400		293.860.934.322	311.146.104.654
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	293.860.934.322	311.146.104.654
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.187.286	32.187.286
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.591.126.554	20.931.921.586
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		20.926.585.346	25.222.157.140
- Lỗ kỳ này	421b		(17.335.458.792)	(4.290.235.554)
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		5.333.620.482	5.277.995.782
Tổng cộng nguồn vốn	440		1.147.029.903.495	1.240.171.228.799

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024



ĐÌNH XUÂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

HOÀNG HỮU ĐIỀN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
1. Doanh thu	01	17	59.591.430.051	70.247.781.705
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		59.591.430.051	70.247.781.705
4. Giá vốn hàng bán	11	18,19	(27.769.851.010)	(27.473.005.580)
5. Lợi nhuận gộp	20		31.821.579.041	42.774.776.125
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.322.827.984	14.586.264.368
7. Chi phí tài chính	22	21	(35.908.078.967)	(48.270.324.835)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(35.908.078.967)	(43.333.338.534)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(13.307.466.018)	(9.157.904.837)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	(3.141.550.542)	(3.261.336.518)
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(13.212.688.502)	(3.328.525.697)
12. Thu nhập khác	31		418.471	47
13. Chi phí khác	32	23	(1.008.972.787)	(255.207.684)
14. Lợi nhuận khác	40		(1.008.554.316)	(255.207.637)
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.221.242.818)	(3.583.733.334)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	12	(418.325.611)	(673.955.551)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.661.633.620)	(3.504.328.479)
18. Lợi nhuận sau thuế	60		(17.301.202.049)	(7.762.017.364)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(17.335.458.792)	(7.802.753.584)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.256.743	40.736.220
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(608)	(274)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	(608)	(137)

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024



ĐÌNH XUÂN HOÀNG
Tổng Giám đốc

HOÀNG HỮU ĐIỀN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (phương pháp gián tiếp)

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		(14.221.242.818)	(3.583.733.334)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	8	19.593.838.011	19.664.829.735
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05	20	5.984.638.034	(5.428.359.531)
Chi phí lãi vay	06	21	35.908.078.967	42.200.438.532
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động				
	08		47.265.312.194	52.853.175.402
Thay đổi các khoản phải thu	09		56.290.178.991	77.465.732.365
Thay đổi các khoản phải trả	11		(54.457.428.637)	(79.824.634.201)
Thay đổi chi phí trả trước	12		845.333.655	1.108.373.708
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.646.316.610)	(47.901.125.538)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	12	(520.732.816)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(4.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.776.346.777	3.697.221.736
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		4.000.000.000	-
2. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		18.494.834	4.724.801.145
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.018.494.834	4.724.801.145
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.1	-	143.077.346.414
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	3.2	(59.850.000.000)	(151.202.113.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(59.850.000.000)	(8.124.766.741)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(39.055.158.389)	297.256.140
Tiền tồn đầu kỳ	60		40.941.987.718	2.688.164.229
Tiền tồn cuối kỳ	70	3	1.886.829.329	2.985.420.369

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024



ĐINH XUÂN HOANG
Tổng Giám đốc

HOÀNG HỮU ĐIỀN
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh ("Công ty") (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 6101177237 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 21 tháng 5 năm 2014. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Lần 9 ngày 20 tháng 5 năm 2022	Thay đổi người đại diện pháp luật

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 284.904.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 507 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Công ty hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Thủy lợi);
- Sản xuất, lắp ráp, gia công khóa đẩy;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác cát, đá và sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước và viễn thông).
- Sản xuất, gia công phím điều hướng quang học kỹ thuật cao của điện thoại di động.

Trong kỳ, hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất điện.

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2024, Công ty gồm trụ sở chính tại số 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, 1 công ty con, 2 đơn vị trực thuộc và 3 công ty liên kết như sau:

- Công ty con:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt	98%	98%	98%	Số 507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt là công ty TNHH thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100221010 ngày 22 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt đang quản lý và vận hành 2 dự án nhà máy thủy điện, cụ thể: Nhà máy thủy điện Đắk Pia theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000025 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp ngày 3 tháng 6 năm 2009, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 28 tháng 1 năm 2022, quy mô công suất 2,2 MW, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu; và Nhà máy thủy điện Đắk Bla 1 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000117 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cấp ngày 1 tháng 8 năm 2012, điều chỉnh lần thứ 3 ngày 28 tháng 1 năm 2022, quy mô công suất 15 MW, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- Công ty liên kết:

TT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	31,18%	31,18%	31,18%	Thôn 16, Xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vàng - Thành Bưởi	38,40%	38,40%	38,40%	Số 48, Tổ dân phố 6, Phường Thanh Bình, Thành phố Điện Biên, Tỉnh Điện Biên
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Đá Đen	43%	43%	43%	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

- Đơn vị trực thuộc:

TT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2 xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam
2	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Đà Nẵng	Tầng 4 tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

2.3. Cơ sở hợp nhất

a) Công ty con

Công ty con là đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị, thường đi kèm với việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

c) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

d) Công ty liên kết

Các công ty liên kết là những đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả các chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

e) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các sổ dư, giao dịch trong nội bộ Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên doanh, liên kết.

g) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

2.4. Áp dụng Luật Kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015 và Nghị định kèm theo số 174/2016/NĐ-CP ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.5. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi không kỳ hạn của Công ty tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20-36
Máy móc và thiết bị	3-20
Phương tiện vận tải	6-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-7

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh của Công ty là BCC chia lợi nhuận sau thuế: là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát. BCC cử ra một bên để kế toán toàn bộ các giao dịch của BCC, ghi nhận doanh thu, chi phí, theo dõi riêng kết quả kinh doanh của BCC và quyết toán thuế.

2.9. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định rằng khoản này không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm:

- Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- Phân phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- Phân phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.11. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm:

- Công cụ dụng cụ;
- Chi phí sửa chữa nhà máy.

2.12. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phần ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán điện

Doanh bán điện được xác định căn cứ vào hợp đồng mua bán điện được Công ty ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

b) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

c) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

d) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.18. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.19. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.20. Phân loại lại

Một số khoản mục trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

3. Tiền

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Tiền mặt	33.473.213	75.675.562
Tiền gửi ngân hàng	1.853.356.116	40.866.312.156
	1.886.829.329	40.941.987.718

3.1. Số tiền vay thực thu trong kỳ

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	143.077.346.414

3.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	59.850.000.000	151.202.113.155

4. Phải thu của khách hàng

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Phải thu khách hàng ngắn hạn	17.702.933.901	35.088.897.793
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	17.702.933.901	35.070.397.793
Nguyễn Thị Hồng	-	18.500.000
	17.702.933.901	35.088.897.793

5. Trả trước cho người bán

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.111.601.387	1.432.284.439
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 789 Hà Nội	2.670.942.153	514.434.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng 78	535.260.000	535.260.000
Đài Khí Tượng Thủy văn tỉnh Kontum	306.305.500	306.305.500
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Năng lượng TKC	101.174.400	-
Khác	497.919.334	76.284.939
	4.111.601.387	1.432.284.439

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Các khoản phải thu khác

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Ngắn hạn	33.694.382.416	218.382.705.935
Tạm ứng	900.150.636	635.816.894
Ký cược, ký quỹ	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (*)	32.789.231.780	25.484.898.630
Ông Trần Văn Hải	-	9.146.990.411
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (*)	-	183.110.000.000
Dài hạn	183.163.747.965	53.747.965
Ký cược, ký quỹ	53.747.965	53.747.965
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia (*)	183.110.000.000	-
	216.858.130.381	218.436.453.900

(*) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 03/2022/HĐHTĐT/PHG-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia về việc hợp tác triển khai dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 1), số tiền hợp tác đầu tư là 183.110.000.000 VND, thời hạn hợp tác là 24 tháng, tỷ lệ phân chia lợi nhuận không thấp hơn 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Theo thỏa thuận số 12.04/2022/BBTT/PHG-TTE ngày 10 tháng 4 năm 2022, định kỳ mỗi năm, hai bên sẽ tiến hành xác nhận số liệu công nợ với nhau, với tỷ lệ phân chia lợi nhuận từ hợp đồng này theo mức lãi suất cố định là 8%/năm dựa trên số vốn góp thực tế. Ngày 4 tháng 4 năm 2024, Công ty và Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia ký Phụ lục số 01_03/2024/PLHĐHTĐT/PHG-TTE để gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng này đến ngày 6 tháng 4 năm 2026, do dự án Khu dân cư tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (giai đoạn 1) được gia hạn đến tháng 7 năm 2027 theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tháng 4 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm/Phân bổ trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	-	13.827.273	4.854.546	8.972.727
Chi phí bảo hiểm rủi ro nhà	267.331.540	402.431.543	364.369.564	305.393.519
Chi phí thuê văn phòng	187.536.366	161.072.727	197.072.728	151.536.365
Chi phí trả trước khác	10.000.000	227.656.841	10.000.000	227.656.841
Chi phí thí nghiệm hiệu	91.685.797	234.989.269	119.871.182	206.803.884
	556.553.703	1.039.977.653	696.168.020	900.363.336

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị (trình bày lại)	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý (trình bày lại)	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	845.688.285.352	294.897.196.592	5.456.902.893	1.231.891.806	1.147.274.276.643
Số dư cuối kỳ	845.688.285.352	294.897.196.592	5.456.902.893	1.231.891.806	1.147.274.276.643
Giá trị hao mòn					
Số dư đầu kỳ	260.631.257.822	136.850.702.135	4.752.627.461	565.593.118	402.800.180.536
Tăng trong kỳ	11.842.160.496	7.476.139.068	177.583.620	97.954.827	19.593.838.011
Số dư cuối kỳ	272.473.418.318	144.326.841.203	4.930.211.081	663.547.945	422.394.018.547
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	585.057.027.530	158.046.494.457	704.275.432	666.298.688	744.474.096.107
Số dư cuối kỳ	573.214.867.034	150.570.355.389	526.691.812	568.343.861	724.880.258.096

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được là 723.621.372.165 đồng (31.12.2023: 742.594.366.109 đồng).

Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 3.630.403.261 đồng (31.12.2023: 3.521.903.261 đồng).

9. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Nội dung	Tỷ lệ sở hữu (%)	30.6.2024		1.1.2024	
		Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu (trình bày lại)
Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng (1)	31,18	85.800.000.000	71.404.501.414	85.800.000.000	82.074.962.287
Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi (2)	38,40	52.800.000.000	26.166.697.045	52.800.000.000	29.827.859.091
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen (3)	43,00	77.400.000.000	78.424.156.901	77.400.000.000	77.400.000.000
		216.000.000.000	175.995.355.360	216.000.000.000	189.302.821.378

- (1) Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800698745 với số vốn điều lệ là 172 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Đại Bình ở xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (2) Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang - Thành Bưởi hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5600201638 với số vốn điều lệ là 125 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện Huổi Vang ở xã Mường Mơn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Công ty đang hoạt động bình thường.
- (3) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2023/HĐCN-ĐĐ-TTE ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa Công ty và ông Trần Văn Hải, Công ty nhận chuyển nhượng 3.870.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với giá chuyển nhượng 20.000 đồng/cổ phần, có tổng giá trị chuyển nhượng là 77,4 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400998975 với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng, đang vận hành nhà máy thủy điện ở xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Công ty đang hoạt động bình thường.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm/Phân bổ trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	1.052.401.192	21.600.000	160.061.399	913.939.793
Chi phí sửa chữa nhà máy	4.617.485.290	798.841.178	1.849.523.067	3.566.803.401
	5.669.886.482	820.441.178	2.009.584.466	4.480.743.194

11. Phải trả người bán

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Phải trả người bán ngắn hạn	3.490.721.766	3.459.536.940
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia	2.598.400.000	2.598.400.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng điện	587.171.818	587.171.818
Các nhà cung cấp khác	305.149.948	273.965.122
	3.490.721.766	3.459.536.940

12. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm/Đã nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	-	284.591.493	(284.591.493)	-
	-	284.591.493	(284.591.493)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.812.930.584	5.191.308.322	(8.598.951.676)	2.405.287.230
Thuế thu nhập cá nhân	40.354.882	168.355.015	(174.198.303)	34.511.594
Thuế tài nguyên	3.204.004.513	3.339.154.272	(6.121.634.955)	421.523.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.445.945.949	402.293.894	(520.732.816)	1.327.507.027
Các loại thuế, phí nộp khác	-	18.935.443	(18.935.443)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.644.519.724	1.960.769.732	(2.358.073.976)	1.247.215.480
	12.147.755.652	11.080.816.678	(17.792.527.169)	5.436.045.161

12.1. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

12.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) đối với 2 dự án nhà máy thủy điện:

Nhà máy thủy điện Đăk Ne theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000013 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, thay đổi lần thứ 3 ngày 25/06/2019. Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ. Công ty đang áp dụng mức thuế suất cho nhà máy thủy điện Đăk Ne là 10%.

Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 38121000117 do UBND tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 01/08/2012, thay đổi lần thứ nhất ngày 14/01/2014. Dự án này nằm trong danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Công ty đang áp dụng mức thuế suất cho Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1 là 10% và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	(14.221.242.818)	(3.583.733.334)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	1.320.935.107	371.670.004
Các khoản điều chỉnh tăng	1.320.935.107	371.670.004
Các khoản chi phí không được trừ	1.236.972.787	255.207.684
Chi phí thù lao thành viên hội đồng thành viên	48.000.000	80.500.000
Chi phí khấu hao bị loại trừ	35.962.320	35.962.320
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	(12.900.307.711)	(3.212.063.330)
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	2.772.311.018	5.951.922.486
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả trong kỳ	554.462.204	691.619.202
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(136.136.593)	(17.663.651)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả trong kỳ	418.325.611	673.955.551
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả đầu kỳ	1.445.945.949	2.508.252.643
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) kỳ trước	(16.031.717)	(1.344.431.413)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ	(520.732.816)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải trả cuối kỳ	1.327.507.027	1.837.776.781

12.3. Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

13. Chi phí phải trả

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Ngắn hạn	9.751.329.844	10.001.918.171
Chi phí lãi vay	7.152.329.844	7.402.918.171
Chi phí phát hành trái phiếu	2.599.000.000	2.599.000.000
	9.751.329.844	10.001.918.171

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024 (trình bày lại)
Ngắn hạn	65.974.973.416	79.674.917.132
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	255.705.600	-
Ông Bùi Xuân Huy (1)	19.837.556.163	16.325.205.479
Ông Trần Văn Hải	-	1.548.000.000
Bà Đoàn Thị Ngọc Thu (2)	35.713.200.000	31.213.200.000
Bùi Thị Thanh Huyền (3)	10.118.511.653	30.538.511.653
Phải trả đối tượng khác	50.000.000	50.000.000
Dài hạn	176.100.000.000	176.100.000.000
Ông Bùi Xuân Huy (1)	176.100.000.000	176.100.000.000
	242.074.973.416	255.774.917.132

- (1) Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2022/HĐHT/BXH-TTE ngày 6 tháng 4 năm 2022 giữa ông Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh, thực hiện đầu tư phát triển mới hoặc hợp tác với các đối tác để phát triển dự án có hiệu quả kinh tế nhằm mục đích sinh lợi, tổng giá trị đầu tư là 250 tỷ đồng. Theo thỏa thuận số 06.04/2022, xác định mức lãi suất cố định là 4%/năm dựa theo vốn góp thực tế, thời hạn thanh toán 6 tháng kể từ ngày ký xác nhận công nợ. Ông Bùi Xuân Huy đã rút một phần vốn hợp tác đầu tư theo Biên bản thỏa thuận số 01/BBTT/BXH-TTE ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Biên bản thỏa thuận số 17/BBTT/BXH-TTE ngày 8 tháng 12 năm 2023.
- (2) Theo các hợp đồng mượn tiền giữa bà Đoàn Thị Ngọc Thu và Công ty để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty:
- Hợp đồng mượn tiền số 02/HĐMT/TTE-NT ngày 5 tháng 7 năm 2023 với số tiền là 7.500.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất;
 - Hợp đồng mượn tiền số 03/HĐMT/TTE-NT ngày 12 tháng 10 năm 2023 với số tiền là 13.800.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 12 tháng và không có lãi suất;
 - Hợp đồng mượn tiền số 01/2023/HĐMT/TTE-NT ngày 2 tháng 1 năm 2024 với số tiền 12.000.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không lãi suất.
 - Hợp đồng số 02/2024/HĐMT/TTE-NT ngày 10/4/2024 với số tiền là 7.000.000.000 đồng, thời hạn mượn tiền là 6 tháng và không có lãi suất.
- (3) Khoản mượn tiền của bà Bùi Thị Thanh Huyền không lãi suất, không có tài sản bảo đảm, thời hạn trả nợ là 6 tháng tính cho toàn bộ khoản mượn và tính từ ngày nhận tiền mượn đầu tiên.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

15. Vay và nợ thuê tài chính

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024 (trình bày lại)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	323.866.467.682	331.063.567.680
Vay ngân hàng	74.640.000.000	82.970.000.000
Trái phiếu phát hành	249.226.467.682	248.093.567.680
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	255.554.000.000	307.074.000.000
Vay ngân hàng	255.554.000.000	307.074.000.000
	579.420.467.682	638.137.567.680

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 30.6.2024
Ngắn hạn					323.866.467.682
<i>Vay ngân hàng</i>					<i>74.640.000.000</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum (1)	12	30/6/2025	8,5	Thế chấp	7.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Gia Định (2)	12	5/6/2025	10,4	Thế chấp	26.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Kon Tum (3)	12	25/6/2025	10,4	Thế chấp	6.140.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Chi nhánh Gia Định (4)	12	30/6/2025	10,4	Thế chấp	35.000.000.000
<i>Trái phiếu phát hành (5)</i>	<i>12</i>	<i>19/10/2024</i>	<i>11,0</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>	<i>249.226.467.682</i>
Dài hạn					255.554.000.000
<i>Vay ngân hàng</i>					<i>255.554.000.000</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum (1)	144	31/12/2028	8,5	Thế chấp	32.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Gia Định (2)	144	31/12/2026	10,4	Thế chấp	41.600.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh Kon Tum (3)	192	25/12/2025	10,4	Thế chấp	2.454.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông Chi nhánh Gia Định (4)	168	31/12/2028	10,4	Thế chấp	179.500.000.000
					579.420.467.682

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ

cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28 tháng 12 năm 2016, số tiền vay là 74 tỷ đồng, thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 4 tháng 11 năm 2016. Lãi suất vay thả nổi, được điều chỉnh tối đa 3 tháng/lần. Tài sản thế chấp của khoản vay là Công trình nhà máy thủy điện Tà Vi. Kỳ hạn trả nợ gốc là 6 tháng/lần.
- (2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 031-14/HĐTDH/SĐBS-02 ngày 9 tháng 6 năm 2023 và Hợp đồng mua, bán nợ số 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 8/6/2023 chuyển khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) - Chi nhánh Đà Nẵng (theo hợp đồng tín dụng số 031 - 14/HĐTDH ngày 31/12/2014) sang Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định. Giá trị khoản vay chuyển sang là 93 tỷ đồng. Thời hạn vay là 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 31/12/2014). Mục đích vay là tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đắk Ne. Lãi suất vay được điều chỉnh từng lần theo thông báo của ngân hàng. Tài sản đảm bảo của khoản vay là Nhà máy thủy điện Đắk Ne, công suất 8,1 MW và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và EVN. Kỳ hạn trả nợ gốc là 1 tháng/lần.
- (3) Theo Hợp đồng tín dụng số 5100-LAV-300900523 ngày 12 tháng 6 năm 2009 kèm các phụ lục hợp đồng sửa đổi tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Kon Tum, số tiền vay: 44 tỷ đồng; mục đích vay: thực hiện đầu tư dự án thủy điện Đắk Pia; thời hạn vay: 192 tháng; lãi suất cho vay: theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ; tài sản đảm bảo: toàn bộ giá trị công trình thủy điện Đắk Pia.
- (4) Theo Hợp đồng mua, bán nợ số 02/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 20 tháng 6 năm 2023 kèm phụ lục sửa đổi bổ sung và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02.01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 21 tháng 6 năm 2023 chuyển khoản vay của Công ty từ Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Buôn Mê Thuột theo Hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 600-29/15/VAB/HĐTDHĐN ngày 15 tháng 5 năm 2015 sang vay Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Gia Định, số tiền vay gốc: 395 tỷ đồng; số tiền vay chuyển đổi: 260,5 tỷ đồng; mục đích vay: đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Đắk Bla 1 tại xã Đắk Ruồng, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, công suất 15MW; thời hạn vay: 168 tháng; lãi suất cho vay: theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; tài sản đảm bảo: quyền tài sản phát sinh gắn liền với dự án nhà máy thủy điện Đắk Bla 1; toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy thủy điện Đắk Bla 1; toàn bộ máy móc thiết bị thuộc nhà máy thủy điện Đắk Bla 1 và quyền tài sản đối với phần vốn góp.
- (5) Theo hợp đồng dịch vụ phát hành trái phiếu riêng lẻ số 510/2021/HĐDL/NSI-TTE ngày 5 tháng 10 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh và Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, theo báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 27/2021/BC-TTE ngày 18 tháng 12 năm 2021:

Mã trái phiếu: TTEH2124001 (mã giao dịch: TTE12101), số lượng trái phiếu chào bán: 2.500 trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành thành công là 2,499 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu là 100.000.000 đồng/trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 36 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 19/10/2021) đến ngày đáo hạn (ngày 19/10/2024) với lãi suất danh nghĩa, lãi suất thực tế phát hành là 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; hình thức phát hành trái phiếu là chào bán riêng lẻ, phương thức phát hành là đại lý phát hành; loại chứng khoán là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; tổ chức tư vấn, đại lý phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia. Tài sản đảm bảo là 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng An Việt có giá trị là 442,5 tỷ đồng. Đại lý quản lý tài sản đảm bảo là Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đà Nẵng.

Mục đích phát hành trái phiếu là:

- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 38,4% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Huổi Vang Thành Bưởi với tổng giá trị là 52,8 tỷ đồng.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 43% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Đá Đen với tổng giá trị là 77,4 tỷ đồng.
- Thực hiện hoạt động đầu tư của Công ty thông qua việc Công ty mua 31,18% cổ phần của cổ đông hiện hữu tại Công ty Cổ phần Điện Bình Thủy.
- Thực hiện đầu tư vào Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Trung Việt với số tiền là 25,5 tỷ đồng và tái cơ cấu khoản vay với số tiền là 8,5 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối (trình bày lại)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng (trình bày lại)
Số dư 1.1.2023	284.904.000.000	-	23.942.100.300	5.086.458.231	313.932.558.531
Lỗ trong năm	-	-	(4.290.235.554)	191.537.551	(4.098.698.003)
Chia các quỹ	-	32.187.286	(64.374.572)	-	(32.187.286)
Tăng khác	-	-	1.344.431.412	-	1.344.431.412
Số dư 30.6.2023	284.904.000.000	32.187.286	20.931.921.586	5.277.995.782	311.146.104.654
Lỗ trong kỳ	-	-	(17.335.458.792)	34.256.743	(17.301.202.049)
Điều chỉnh khác	-	-	(21.047.324)	21.047.324	-
Giảm khác	-	-	15.711.084	320.633	16.031.717
Số dư 30.6.2024	284.904.000.000	32.187.286	3.591.126.554	5.333.620.482	293.860.934.322

16.2. Chi tiết vốn cổ phần:

Cổ đông	30.6.2024			1.1.2024		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Bà Lê Thị Hạnh	22.889.000.000	22.889.000.000	-	22.889.000.000	22.889.000.000	-
Bà Nguyễn Thu Hằng	13.675.000.000	13.675.000.000	-	13.675.000.000	13.675.000.000	-
Ông Nguyễn Việt Anh	13.900.000.000	13.900.000.000	-	13.900.000.000	13.900.000.000	-
Các cổ đông khác	234.440.000.000	234.440.000.000	-	234.440.000.000	234.440.000.000	-
	284.904.000.000	284.904.000.000	-	284.904.000.000	284.904.000.000	-

16.3. Tình hình biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Vốn cổ phần đầu năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn cổ phần cuối kỳ	284.904.000.000	284.904.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	-	-

16.4. Cổ phần:

Nội dung	30.6.2024	1.1.2024
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phần đã phát hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phần thường	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phần thường	28.490.400	28.490.400

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17. Doanh thu

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Nhà máy thủy điện Đắk Ne	23.380.422.822	25.360.991.568
Nhà máy thủy điện Tà Vi	5.348.018.001	7.706.070.060
Nhà máy thủy điện Đắk Bla 1	24.966.664.094	30.611.717.214
Nhà máy thủy điện Đắk Pia	5.896.325.134	6.569.002.863
	59.591.430.051	70.247.781.705

Trong đó:

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-
Doanh thu đối với các bên khác	59.591.430.051	70.247.781.705
	59.591.430.051	70.247.781.705

18. Giá vốn hàng bán

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Nhà máy thủy điện Đắk Ne	9.106.593.009	9.048.466.913
Nhà máy thủy điện Tà vi	3.326.246.987	3.324.252.195
Nhà máy thủy điện Đắk Bla 1	12.069.653.073	11.939.479.678
Nhà máy thủy điện Đắk Pia	3.267.357.941	3.160.806.794
	27.769.851.010	27.473.005.580

19. Chi phí sản xuất theo yếu tố

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023 (trình bày lại)
Chi phí nhân công trực tiếp	4.157.188.741	4.684.112.331
Chi phí dụng cụ sản xuất	67.688.093	14.648.400
Chi phí khấu hao	19.593.838.011	19.610.270.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.748.967.636	2.320.149.152
Thuế, phí và lệ phí	19.865.558	21.891.892
Chi phí khác	2.182.302.971	1.760.571.385
	27.769.851.010	28.411.644.126

20. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Lãi tiền gửi	18.494.834	23.016.213
Lãi từ hợp tác kinh doanh	7.304.333.150	9.861.463.223
Lãi phải thu ông Trần Văn Hải	-	4.701.784.932
	7.322.827.984	14.586.264.368

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

21. Chi phí tài chính

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Chi phí lãi vay	31.262.828.281	42.200.438.532
Chi phí phát hành trái phiếu	1.132.900.002	1.132.900.002
Lãi phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.512.350.684	4.936.986.301
	35.908.078.967	48.270.324.835

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Chi phí nhân viên quản lý	1.965.918.834	1.988.948.581
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.989.373	14.648.400
Thuế, phí và lệ phí	16.025.145	14.573.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	807.154.483	857.352.915
Chi phí khác	293.903.939	331.254.120
Lợi thế thương mại được phân bổ	54.558.768	54.558.769
	3.141.550.542	3.261.336.518

23. Chi phí khác

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Các khoản phạt và vi phạm hành chính	1.008.972.787	255.207.684
	1.008.972.787	255.207.684

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Lãi phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lãi thuần trong kỳ	(17.335.458.792)	(7.802.753.584)
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi thuần chia cho cổ đông phổ thông	(17.335.458.792)	(7.802.753.584)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong kỳ		
- Số lượng cổ phiếu đầu kỳ	28.490.400	28.490.400
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong kỳ	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ	28.490.400	28.490.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(608)	(274)

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

25. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nội dung	Từ 1.1.2024	Từ 1.1.2023
	đến 30.6.2024	đến 30.6.2023
Lỗ thuần chia cho cổ đông phổ thông	(17.335.458.792)	(7.802.753.584)
Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.490.400	28.490.400
Ảnh hưởng của suy giảm	-	28.309.600
- Số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	28.309.600
Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	28.490.400	56.800.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(608)	(137)

26. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

26.1. Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			Từ 1.1.2024	Từ 1.1.2023
			đến 30.6.2024	đến 30.6.2023
Ông Trần Văn Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	Thu tiền lãi	9.146.990.411	1.900.000.000
		Lãi phải thu	-	4.701.784.932
		Trả tiền cổ phần đã bán	1.548.000.000	-
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Tạm ứng	-	5.700.000.000
		Hoàn ứng	43.000.000	6.504.500.000

26.2. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			30.6.2024	1.1.2024
Phải thu khác				
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Tạm ứng	99.483.336	56.483.336
Ông Trần Văn Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	Thu tiền lãi	-	9.146.990.411
Phải trả khác				
Ông Trần Văn Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả tiền cổ phần đã bán	-	1.548.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

26.3. Các giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

Nội dung	Chức danh	Từ 1.1.2024 đến 30.6.2024	Từ 1.1.2023 đến 30.6.2023
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	60.000.000	60.000.000
Bà Lê Thị Thu Hường	Thành viên Hội đồng Quản trị	30.000.000	30.000.000
Ông Trần Văn Hải	Thành viên Hội đồng Quản trị	30.000.000	30.000.000
Ông Đinh Xuân Hoàng	Tổng Giám đốc	60.000.000	78.291.666
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	83.500.000
Ông Hoàng Hữu Điền	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	198.000.000	235.100.000
Ông Hoàng Minh Sang	Trưởng Ban Kiểm soát	42.000.000	42.000.000
Bà Lê Thị Hạnh	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Ngân	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	18.000.000
		516.000.000	594.891.666

27. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả Kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và Định giá ASCO.

28. Khả năng hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính được lập với giả định là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động theo khái niệm hoạt động liên tục. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, nợ phải trả ngắn hạn của Công ty vượt giá trị tổng tài sản ngắn hạn là khoảng 353 tỷ đồng. Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh

Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

29. Điều chỉnh hồi tố

Công ty điều chỉnh hồi tố sai sót liên quan đến ghi nhận lỗ trong công ty liên kết trong năm 2022 và năm 2023 nhưng không ghi nhận trên sổ sách kế toán của các năm tương ứng này với số tiền lần lượt là 7.496.750.656 đồng và 2.433.139.234 đồng.

Ảnh hưởng của các khoản mục được điều chỉnh hồi tố nêu trên được trình bày sau đây:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Số dư 1.1.2024 (trước điều chỉnh)	Số dư 1.1.2024 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Tài sản dài hạn	949.698.689.101	939.768.799.211	(9.929.889.890)
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	949.698.689.101	939.768.799.211	(9.929.889.890)
Vốn chủ sở hữu	321.075.994.544	311.146.104.654	(9.929.889.890)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.861.811.476	20.931.921.586	(9.929.889.890)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	Năm 2023 (trước điều chỉnh)	Năm 2023 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(12.790.013.399)	(15.223.152.633)	(2.433.139.234)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.748.311.190	2.315.171.956	(2.433.139.234)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(65)	(150)	(85)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(65)	(150)	(85)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	Năm 2023 (trước điều chỉnh)	Năm 2023 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	4.748.311.190	2.315.171.956	(2.433.139.234)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	(14.484.988.926)	(12.051.849.692)	2.433.139.234

30. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 10 tháng 9 năm 2024.



ĐÌNH XUÂN HOANG
Tổng Giám đốc

HOANG HỮU ĐIỀN
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66/2024/CV-TTE

Kon Tum, ngày 12 tháng 09 năm 2024

"V/v: Giải trình điều chỉnh hồi tố số dư
cuối kỳ trên BCTC năm 2023"

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
- Mã chứng khoán: TTE
- Địa chỉ trụ sở chính: 507 đường Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam
- Điện thoại: (02367) 109.886
- Website: dientruongthinh.vn
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Như Hoa
- Chức vụ: Người được ủy quyền công bố thông tin – Thư ký HĐQT

* Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29(VAS29) Ban hành và công bố theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính về thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư năng lượng Trường Thịnh đã quyết định điều chỉnh hồi tố sai sót liên quan đến ghi nhận lỗ trong Công ty liên kết trong năm 2022 và năm 2023 nhưng không ghi nhận trên sổ sách kế toán của các năm tương ứng này với số tiền lần lượt là: 7.496.750.656 đồng và 2.433.139.234 đồng, ảnh hưởng của các khoản mục được điều chỉnh hồi tố số liệu tại Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023. Việc điều chỉnh này đã làm thay đổi số dư đầu kỳ tại Báo cáo soát xét bán niên năm 2024 và trình bày chi tiết tại thuyết minh số 29 Báo cáo soát xét bán niên năm 2024. Số liệu điều chỉnh hồi tố như sau;

DVT: đồng

1. Bảng cân đối kế toán Hợp nhất

Chỉ tiêu	Số liệu trình bày 31/12/2023	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu trình bày lại 01/01/2024
I. Tài sản dài hạn	949.698.689.101	(9.929.889.890)	939.768.799.211
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	949.698.689.101	(9.929.889.890)	939.768.799.211
II. Vốn chủ sở hữu	321.075.994.544	(9.929.889.890)	311.146.104.654
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	30.861.811.476	(9.929.889.890)	20.931.921.586

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Hợp nhất

Chỉ tiêu	Số liệu trình bày 31/12/2023	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu trình bày lại 01/01/2024
8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	(12.790.013.399)	(2.433.139.234)	(15.223.152.633)
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.748.311.190	(2.433.139.234)	2.315.171.956
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(65)	(85)	(150)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(65)	(85)	(150)

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất

Chỉ tiêu	Số liệu trình bày 31/12/2023	Điều chỉnh hồi tố	Số liệu trình bày lại 01/01/2024
I. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	4.748.311.190	(2.433.139.234)	2.315.171.956
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	(14.484.988.926)	(2.433.139.234)	(12.051.849.692)

Trên đây toàn bộ ý kiến giải trình của Công ty về các thay đổi điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ trên Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH XUÂN HOÀNG





SỐ: 67/2024/TTE-TGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v giải trình chênh lệch kết quả kinh
doanh 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng
kỳ năm 2023 trên BCTC riêng và hợp nhất

Kon Tum, ngày 12 tháng 09 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Thực hiện quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin theo quy định, Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh xin báo cáo về việc chênh lệch các chỉ tiêu trên kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 (kỳ từ ngày 01/01/2024 – 30/06/2024) trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất so với cùng kỳ năm 2023, như sau.

A . BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chênh lệch kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 trên báo cáo tài chính riêng như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG						
		Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 (sau kiểm toán)	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 (sau kiểm toán)	Chênh lệch 2024/ 2023	+/- %	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 (trước kiểm toán)	C.lệch BC trước/sau kiểm toán	+/- %
1	Doanh thu bán hàng	28.728.441	33.067.062	(4.338.621)	-13%	28.728.441	-	-
2	Lợi nhuận gộp bán hàng	16.295.601	20.694.343	(4.398.742)	-21%	16.295.601	-	-
3	Doanh thu tài chính	7.307.077	14.579.142	(7.272.065)	-50%	7.307.077	-	-
4	Chi phí tài chính	37.497.858	47.153.408	(9.655.550)	-20%	24.189.690	13.308.168	+55%
	trong đó: Lãi, lỗ LDLK	(13.308.168)	(17.521.462)	4.213.474	-24%	-	(13.308.168)	-
5	Chi phí QLDN	1.952.000	2.268.139	(316.139)	-14%	1.952.000	-	-
6	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	(15.847.181)	(14.148.063)	(1.699.118)	-12%	(2.539.012)	(13.308.169)	-524%
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(16.298.549)	(14.300.001)	(1.998.548)	-14%	(2.990.381)	(13.308.169)	-445%
8	Thuế TNDN	-	166.255	(166.255)	-	19.476	(19.467)	-
9	Lợi nhuận sau thuế Cty mẹ	(16.298.549)	(14.466.256)	(1.832.293)	-13%	(3.009.857)	(13.288.692)	-442%

Điều kiện thời tiết 6 tháng đầu năm 2024 không thuận lợi cho sản xuất thủy điện, lũy kế doanh thu bán điện 6 tháng đầu năm 2024 giảm 13% so với cùng kỳ năm 2023, tương

đương giảm 4,3 tỷ đồng. Cùng với sự tác động của các yếu tố doanh thu và chi phí tài chính trong kỳ làm cho lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023.

Lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 trên báo cáo tài chính riêng giảm thêm 13,3 tỷ đồng so với báo cáo đã công bố, cụ thể:

+ Chi phí tài chính (sau kiểm toán) tăng 13,3 tỷ đồng, là do doanh nghiệp ghi nhận thêm chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chênh lệch kết quả kinh doanh năm 2024 trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT						
		Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 (sau kiểm toán)	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 (sau kiểm toán)	Chênh lệch 2024/ 2023	+/- %	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 (trước kiểm toán)	C.lệch BC trước/sau kiểm toán	+/- %
1	Doanh thu bán hàng	59.591.430	70.247.782	(10.656.352)	-15%	59.591.430	-	-
2	Lợi nhuận gộp bán hàng	31.821.579	42.774.776	(10.953.197)	-26%	31.785.579	36.000	-
3	Doanh thu tài chính	7.322.828	14.586.264	(7.263.436)	-50%	7.322.827	-	-
4	Chi phí tài chính (lãi vay)	35.908.079	48.270.325	(12.362.246)	-26%	35.908.078	-	-
5	Phần lãi, lỗ LDLK	(13.307.466)	(9.157.905)	(4.149.561)	-45%	-	(13.307.466)	-
6	Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	(13.212.689)	(3.328.526)	(9.884.163)	-297%	122.057	(13.334.746)	-
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.221.243)	(3.583.733)	(10.637.509)	-297%	(886.498)	(13.334.745)	-1504%
8	CP thuế TNDN hiện hành	418.326	673.956	(255.630)	-38%	393.499	24.827	6%
9	CP thuế TNDN hoãn lại	2.661.634	3.504.328	(842.694)	-24%	-	2.661.634	-
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(17.301.202)	(7.762.017)	(9.539.185)	-123%	(1.279.997)	(16.021.205)	-1251%

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2024 trên báo cáo tài chính hợp nhất giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2023 do sự tác động của các yếu tố doanh thu và chi phí, cụ thể:

+ Doanh thu bán điện giảm 15%, tương đương giảm 10,6 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

+ Doanh thu tài chính giảm 7,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 là do hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án với Sam Holdings đã tắt toán làm cho doanh thu tài chính trong kỳ giảm so với cùng kỳ.

+ Chi phí tài chính giảm 12,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 là do dư nợ gốc giảm so với cùng kỳ và lãi suất cho vay trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm 2023.

+ Khoản lỗ do trích lập dự phòng vào công ty liên doanh, liên kết tăng 4,2 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

Lợi nhuận sau thuế lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 trên báo cáo tài chính hợp nhất giảm thêm 16,0 tỷ đồng so với báo cáo đã công bố, cụ thể :

+ Chi phí tài chính (sau kiểm toán) tăng 13,3 tỷ đồng, là do doanh nghiệp ghi nhận thêm chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

+ Chi phí thuế TNDN hoãn lại (sau kiểm toán) tăng thêm 2,6 tỷ đồng .

Trên đây là các giải trình về biến động các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c)
- HĐQT Công ty (B/c)
- Lưu

CTCP ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



Dinh Xuân Hoàng

